

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAO LỘC  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST  
Ngày 28 - 02 - 2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lộc Văn Quảng

Bà Nguyễn Thúy Phương

**- Thư ký phiên toà:** Ông Dương Đức Mạnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2020/TLST-HS, ngày 31/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST - HS, ngày 17/02/2020 đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Thùy T1**, (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 15/6/1991 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 2, Tổ 5, khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy H và bà Lê Thị N; có chồng là Đinh Trọng H và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự; chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cao Lộc từ ngày 23/8/2019 đến ngày 19/10/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Có mặt.

**2. Đặng Hoàng T2**, (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 23/01/1990 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 25, Tổ 2, khối 8, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hoàng T và bà Lành Thị T; có vợ là Ma Hồng T (cùng là bị cáo trong vụ án) và 01 con (sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 35/2012/HSST ngày 18/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị can Đặng Hoàng T 06 (sáu) năm tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, đã được xóa án tích; chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/10/2019 cho đến nay. Có mặt.

**3. Ma Hồng T3**, (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 09/9/1993 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 52, đường N, khối 5, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Hồng S và bà Ma Thị H; có chồng là Đặng Hoàng T (cùng là bị cáo trong vụ án) và 01 con (sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự; chưa bị xử lý hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/10/2019 cho đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Vũ Thị Khánh C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 18, ngõ 8, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị Dương Thị Vũ L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 216, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Chị Triệu Thị Tô U, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 33, ngõ 9, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu tập thể điện lực, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Chị Đàm Minh H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 2, đường H, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Chị Vi Lan A, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 58, đường L, khu đô thị P4, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 47, đường T, phường C, thành phố L tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Chị Lê Thu N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số 39, đường C, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 35, đường C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Chị Phạm Thị K, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 39, ngõ 1, đường M, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

11. Chị Hoàng Nguyệt K.

Địa chỉ: Số 69, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

12. Chị Hứa Mỹ L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

13. Chị Phạm Thị L, sinh năm 1978.  
Địa chỉ: Số 30A, ngõ 7, khối 6, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
14. Chị Vi Thị Thanh H, sinh năm 1994.  
Địa chỉ: Số 8E, ngõ 26, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
15. Ông Bùi Thanh B, sinh năm 1971.  
Địa chỉ: Số 3, ngõ 12, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
16. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1985.  
Địa chỉ: Số 30A, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
17. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981.  
Địa chỉ: Số 67, đường C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
18. Bà Đoàn Thị X, sinh năm 1956.  
Địa chỉ: Số 20, ngõ 7, đường L, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
19. Chị Ngô Phương T, sinh năm 1982.  
Địa chỉ: Tổ 4, khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
20. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1991.  
Địa chỉ: Tổ 3, khối 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)
21. Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1977.  
Địa chỉ: Số 29, ngõ 9, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
23. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1968.  
Địa chỉ: Số 47, ngõ 1, đường M, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
24. Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1985.  
Địa chỉ: Khối 4, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
25. Anh Đinh Trọng H, sinh năm 1989.  
Địa chỉ: Tổ 5, khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
26. Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1957.  
Địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.
27. Anh Ma Văn T, sinh năm 1991.  
Địa chỉ: Số 17, phố Đ, khu đô thị P4, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.
28. Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn P, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 45 phút ngày 22/8/2019, Tổ công tác Công an huyện Cao Lộc làm nhiệm vụ tại khu vực cổng Kho bạc Nhà nước huyện Cao Lộc thuộc thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, thì phát hiện một đối tượng nam thanh niên điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 12P1-045.47 và một người phụ nữ đang có việc trao đổi tiền có biểu hiện nghi vấn liên quan đến tội phạm. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, người nam thanh niên khai nhận tên là Đặng Hoàng T2, sinh năm 1990, trú tại: Tổ 2, khối 8, thị trấn C, huyện C, người phụ nữ tên là Bùi Thị L, sinh năm 1991, trú tại: Tổ 3, khối 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Các đối tượng khai nhận ngày 29/7/2019, Bùi Thị L có vay tiền của Nguyễn Thùy T1, sinh năm 1991, trú tại: Tổ 5, khối 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận số tiền lãi là 6.000.000 đồng trong thời hạn 50 ngày, mỗi ngày L phải trả cho T1 600.000 đồng, số tiền lãi 6.000.000 đồng, T1 đã cắt lãi khi giao tiền và L thực nhận là 24.000.000 đồng. Hằng ngày T1 thuê Đặng Hoàng T2 đi thu tiền của những người vay tiền của T1 trong đó có L. Chiều ngày 22/8/2019 khi L đang đưa tiền cho T2 cầm thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện, bắt giữ. Quá trình làm việc T2 khai nhận T2 và vợ là Ma Hồng T3, sinh năm 1993, trú tại: Số 52, đường N, khối 5, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, được Nguyễn Thùy T1 thuê đi thu, nhận tiền của những người đến vay T1 tiền và làm sổ sách cho T1. T1 thuê căn nhà tại 112, đường L, phường T, thành phố L để làm nơi khách đến vay tiền và đóng, trả tiền, vợ chồng T2 và T3 cũng đến đây để trông nom, quản lý và thu nhận tiền cho T1.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, biển số: 12P1 – 04547; 01 (một) điện thoại di động SAMSUNG J730 màu vàng đồng, số IMEI: 353317/09/792528/4; 01 (một) điện thoại di động NOKIA 1280 màu đen, số IMEI: 353454/04/950163/0; số tiền: 1.000.000đ (một triệu đồng) tiền Việt Nam thu giữ của Đặng Hoàng T2.

- 22.700.000đ (hai mươi hai triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam thu giữ trong túi xách của Ma Hồng T3.

- 21.500.000đ (hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Việt Nam thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thùy T1.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 6, số IMEI: 359307065340263 thu giữ của Nguyễn Thùy T1.

- 07 (bảy) tờ giấy vay tiền; 01 (một) quyển sổ có bìa màu xanh da trời, trong ghi họ tên người vay tiền và số tiền nộp cụ thể theo ngày; 02 (hai) quyển sổ có bìa màu xanh da trời, in dòng chữ Organon, trong ghi người vay tiền, thời gian vay, số tiền vay, số tiền đã trả thu giữ tại số 112, đường Lê Hồng P, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn khi khám xét khẩn cấp.

- 15 (mười lăm) tờ giấy vay tiền; 01 (một) thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị K; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị Khánh C; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Thu N; 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Dương Thị Vũ L; 04 (bốn) quyển sổ hộ khẩu; 01 (một) tập hồ sơ cấp đổi giấy phép lái xe; 01 (một) tập hồ sơ xin thành lập nhóm trẻ gia đình; 01 (một) tập

hồ sơ bảo hiểm nhân thọ kèm theo 02 giấy khai sinh con của Bùi Thị L do Đặng Hoàng T2 tự nguyện giao nộp.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng giữa năm 2018, do thấy mức lãi suất cho vay của hình thức vay “bát hộ” và nhu cầu vay của người dân cao nên Nguyễn Thùy T1 đã nảy sinh ý định cho người có nhu cầu vay tiền bằng hình thức vay “bát hộ” nhằm cắt lãi để hưởng lợi bất chính. T1 cho những người có nhu cầu vay tiền và thỏa thuận với nhau: Cứ mỗi 10.000.000đ (mười triệu đồng) mà khách muốn vay, T1 sẽ cắt lấy trước số tiền lãi là: 2.000.000đ (hai triệu đồng, tức 20% tổng số tiền vay); Đối với số tiền thực tế được nhận là: 8.000.000đ (tám triệu đồng) thì người vay phải trả đều đặn trong thời hạn là 50 (năm mươi) ngày, mỗi ngày 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), tức 1/50 giá trị khoản vay và phải viết giấy thể hiện tổng số tiền vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng), nếu vay nhiều hơn thì mức lãi suất tương ứng như trên để tính gốc, lãi.

Với phương thức như trên, mức lãi suất bị can Nguyễn Thùy T1 cho khách vay tiền là:  $\frac{20\%}{50 \text{ ngày}} = \frac{0.4\%}{\text{ngày}} = \frac{12\%}{\text{tháng}} = \frac{144\%}{\text{năm}}$

Mức lãi suất bị cáo Nguyễn Thùy T1 cho người khác vay đã cao gấp 7,2 lần mức lãi suất tại Điều 468, Bộ luật Dân sự quy định là 20%/năm.

Để tiện cho việc thanh toán tiền vay, Nguyễn Thùy T1 đã thuê căn nhà số 112, đường L, phường T, thành phố L để làm nơi thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng và thu, nhận tiền thanh toán. Khoảng tháng 01/2019, T1 thuê đối tượng tên Q, sinh năm 1998, trú tại: Thôn P, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, khoảng tháng 02/2019 T1 thuê đối tượng tên C, sinh năm 1992, trú tại đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để làm thuê cho mình. Hằng ngày T1 đi thu tiền sau đó về đưa cho Q và nói là tiền hàng để Q vào sổ, còn C có nhiệm vụ đi thu tiền của những khách không đến nộp tiền cho T1. Sau đó khoảng tháng 03/2019, do Q làm việc không cẩn thận nên T1 cho Q nghỉ việc và không liên lạc với nhau. Đối với C sau khi làm việc cho T1 khoảng một tháng thì T1 phát hiện C sử dụng ma túy “đá”, thu tiền của khách rồi tiêu sài nên T1 không thuê C nữa, sau đó cũng không liên lạc và gặp lại C.

Khoảng tháng 5/2019, T1 thuê Đặng Hoàng T2 và giao cho T2 công việc cụ thể là hàng ngày T2 trực tiếp đi thu tiền của những khách vay không tự đến trả được và trả tiền công cho T2 số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/tháng. Đến tháng 7/2019, T1 thuê tiếp Ma Hồng T3 (Vợ của T2) với nhiệm vụ thường trực hằng ngày để nhận thu tiền của những khách vay đến trả trực tiếp và tiền từ T2 đi thu của khách vay về rồi tổng hợp lại rồi ghi chép vào sổ sách để theo dõi. Hằng ngày vào buổi tối, T3 sẽ giao toàn bộ số tiền đã thu được của khách lại cho T2 quản lý và T1 trả công cho T3 là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng. Trường hợp T1 có việc phải vắng mặt lâu ngày, T1 sẽ để lại trước cho T3 một khoản tiền để khi có khách hỏi vay, T1 sẽ điện thoại cho T2 đi kiểm tra lại thông tin. Nếu đúng, T1 sẽ điện thoại cho T3 để T3 hướng dẫn khách viết giấy vay đồng thời cắt lấy trước tiền lãi rồi mới giao tiền vay (đã trừ lãi) cho khách.

Tính đến thời điểm bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cao Lộc phát hiện bắt giữ, Nguyễn Thùy T1, Đặng Hoàng T2, Ma Hồng T3 đã thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng với số lượng cụ thể như sau:

**Đối với Nguyễn Thùy T1 cho những người sau vay:**

| Stt | Họ và tên người vay | Năm sinh | Địa chỉ                                      | Thời gian vay | Số tiền vay (đồng) | Số tiền Trang đã cắt lãi (đồng) | Số tiền đã trả cho Trang (đồng) | Số tiền còn nợ lại (đồng) | Số tiền Trang hưởng lợi bất chính (đồng) |
|-----|---------------------|----------|----------------------------------------------|---------------|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|
| 01  | Dương Thị Vũ L      | 1981     | 216, đường N, phường Đ, thành phố L          | 16/7/2019     | 100.000.000        | 20.000.000                      | 72.000.000đ                     | 28.000.000                | 17.250.000                               |
| 02  | Hoàng Thị D         | 1977     | 29/9, đường B, phường H, thành phố L         | 03/2019       | 10.000.000         | 2.000.000                       | 10.000.000                      | 0                         | 1.725.000                                |
|     |                     |          |                                              | 29/7/2019     | 20.000.000         | 4.000.000                       | 10.000.000                      | 10.000.000                | 3.450.000                                |
| 03  | Vũ Thị H            | 1985     | 30A, đường T, phường C, thành phố L          | 27/6/2019     | 30.000.000         | 6.000.000                       | 18.000.000                      | 12.000.000                | 5.175.000                                |
| 04  | Hoàng Thị D         | 1985     | 47, đường T, phường C, thành phố L           | 07/6/2019     | 30.000.000         | 6.000.000                       | 30.000.000đ                     | 0                         | 5.175.000                                |
| 05  | Nguyễn Thị H        | 1985     | Khối 4, phường H, thành phố L                | 04/2019       | 20.000.000         | 4.000.000                       | 20.000.000                      | 0                         | 3.450.000                                |
|     |                     |          |                                              | 30/6/2019     | 20.000.000         | 4.000.000                       | 20.000.000                      | 0                         | 3.450.000                                |
| 06  | Đoàn Thị X          | 1956     | Ngõ 7, đường L, phường T, thành phố L        | 26/4/2019     | 10.000.000         | 2.000.000                       | 7.000.000                       | 3.000.000                 | 1.725.000                                |
| 07  | Hoàng Nguyệt K      | 1988     | 69, đường N, phường Đ, thành phố L           | 28/2/2019     | 10.000.000         | 2.000.000                       | 38.600.000                      | 1.400.000                 | 1.725.000                                |
|     |                     |          |                                              | 04/3/2019     | 10.000.000         | 2.000.000                       |                                 |                           | 1.725.000                                |
|     |                     |          |                                              | 18/3/2019     | 10.000.000         | 2.000.000                       |                                 |                           | 1.725.000                                |
|     |                     |          |                                              | 27/3/2019     | 10.000.000         | 2.000.000                       |                                 |                           | 1.725.000                                |
| 08  | Bùi Thị L           | 1991     | Tổ 3, khối 4, TT. Cao Lộc, Cao Lộc, Lạng Sơn | 29/7/2019     | 30.000.000         | 6.000.000                       | 13.650.000                      | 16.350.000                | 5.175.000                                |
| 09  | Ngô Phương T        | 1982     | Tổ 4, khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh L   | 31/7/2019     | 15.000.000         | 3.000.000                       | 15.000.000                      | 0                         | 2.587.500                                |
| 10  | Phạm Thị K          | 1988     | Ngõ 1, đường M, phường H, thành phố L        | 24/02/2019    | 20.000.000         | 4.000.000                       | 20.000.000                      | 0                         | 3.450.000                                |
|     |                     |          |                                              | 31/7/2019     | 20.000.000         | 4.000.000                       | 8.800.000                       | 11.200.000                | 3.450.000                                |
| 11  | Bùi Thanh B         | 1971     | Ngõ 12, đường B, phường Đ, thành phố L       | 02/2019       | 10.000.000         | 2.000.000                       | 10.000.000                      | 0                         | 1.725.000                                |
|     |                     |          |                                              | 14/5/2019     | 10.000.000         | 2.000.000                       | 10.000.000                      | 0                         | 1.725.000                                |
|     |                     |          |                                              | 31/7/2019     | 10.000.000         | 2.000.000                       | 8.000.000                       | 2.000.000                 | 1.725.000                                |
| 12  | Triệu Thị Tố U      | 1970     | Ngõ 9, đường B, phường C, thành phố L        | 11/7/2019     | 20.000.000         | 4.000.000                       | 8.400.000                       | 11.600.000                | 3.450.000                                |
| 13  | Vi Thị Thanh        | 1994     | Ngõ 26, đường B, phường Đ, thành             | 23/7/2019     | 10.000.000         | 2.000.000                       | 10.000.000                      | 0                         | 1.725.000                                |

|             |                |      |                                                 |           |                    |                    |                    |                    |                    |
|-------------|----------------|------|-------------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|             | H              |      | phố L                                           |           |                    |                    |                    |                    |                    |
| 14          | Phạm Thị L     | 1978 | Ngõ 7, khối 6, phường V, thành phố L            | 04/8/2019 | 50.000.000         | 10.000.000         | 20.000.000         | 30.000.000         | 8.625.000          |
| 15          | Vũ Thị Khánh C | 1988 | Ngõ 8, đường N, phường Đ, thành phố L           | 11/8/2019 | 100.000.000        | 20.000.000         | 46.000.000         | 54.000.000         | 17.250.000         |
| 16          | Hứa Mỹ L       | 1986 | Thôn B, xã H, thành phố L.                      | 14/8/2019 | 70.000.000         | 14.000.000         | 16.000.000         | 54.000.000         | 12.075.000         |
| 17          | Nguyễn Thị L   | 1979 | Khu tập thể Sở điện lực, phường T, thành phố L. | 15/8/2019 | 30.000.000         | 6.000.000          | 4.800.000          | 25.200.000         | 5.175.000          |
| 18          | Đỗ Thị L       | 1959 | 35, đường C, phường C, thành phố L              | 16/8/2019 | 30.000.000         | 6.000.000          | 30.000.000         | 0                  | 5.175.000          |
| 19          | Đàm Minh H     | 1987 | 02, đường H, phường C, thành phố L              | 17/4/2019 | 50.000.000         | 10.000.000         | 5.000.000          | 45.000.000         | 8.625.000          |
| 20          | Lê Thu N       | 1973 | 39, đường C, phường V, thành phố L              | 19/8/2019 | 20.000.000         | 4.000.000          | 2.000.000          | 18.000.000         | 3.450.000          |
| 21          | Vy Lan A       | 1977 | 58, đường L, phường V, thành phố L              | 05/4/2019 | 50.000.000         | 10.000.000         | 32.000.000         | 18.000.000         | 8.625.000          |
| 22          | Vũ Thị N       | 1968 | Ngõ 1, đường Mi, phường H, thành phố L          | 20/8/2019 | 10.000.000         | 2.000.000          | 10.000.000         | 0                  | 1.725.000          |
| <b>Tổng</b> |                |      |                                                 |           | <b>835.000.000</b> | <b>167.000.000</b> | <b>495.250.000</b> | <b>339.750.000</b> | <b>144.037.500</b> |

Như vậy trong khoảng thời gian từ tháng 02/2019 đến ngày 22/8/2019 Nguyễn Thùy T1 đã thực hiện 30 (Ba mươi) giao dịch dân sự cho vay tiền để thu lời bất chính. Tổng số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thùy T1 cho người khác vay là 835.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi bị cáo Nguyễn Thùy T1 thu khi thực hiện các giao dịch cho vay trên là 167.000.000 đồng. Tổng số tiền những người vay đã trả cho bị cáo T1 là 495.250.000 đồng. Tổng số tiền khách vay còn nợ lại của bị cáo là 339.750.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T1 được hưởng lãi trong mức được pháp luật bảo vệ là  $835.000.000 \times 0,055\% \times 50 \text{ ngày} = 22.962.500$  đồng. Tổng số tiền bị cáo hưởng lãi bất hợp pháp từ việc thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng là 144.037.500 đồng.

Đối với Đặng Hoàng T2: Đặng Hoàng T2 làm thuê cho Nguyễn Thùy T1 từ khoảng đầu tháng 05/2019 và được đi thu tiền vay “bất hợp” của 14 khách vay trong đó có 11 người có khoản vay phát sinh kể từ thời điểm T2 bắt đầu làm thuê cho Nguyễn Thùy T1 gồm:

| Stt | Họ và tên người vay | Năm sinh | Địa chỉ | Thời gian vay | Số tiền vay (đồng) | Số tiền Trang đã cắt lãi | Số tiền đã trả cho Trang | Số tiền còn nợ lại (đồng) | Số tiền Trang hưởng lợi |
|-----|---------------------|----------|---------|---------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------|
|-----|---------------------|----------|---------|---------------|--------------------|--------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------------|

|             |                |      |                                                    |                        |                          | (đồng)                 | (đồng)                  |                    | bất chính<br>(đồng)    |
|-------------|----------------|------|----------------------------------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|-------------------------|--------------------|------------------------|
| 01          | Triệu Thị Tố U | 1970 | Ngõ 9, đường B, phường H thành phố L.              | 11/7/2019              | 20.000.000               | 4.000.000              | 8.400.000               | 11.600.000         | 3.450.000              |
| 02          | Hoàng Thị D    | 1977 | 29/9, đường B, phường H, thành phố L               | 29/7/2019              | 20.000.000               | 4.000.000              | 10.000.000              | 10.000.000         | 3.450.000              |
| 03          | Vũ Thị H       | 1985 | 30A, đường T, phường C, thành phố L                | 27/6/2019              | 30.000.000               | 6.000.000              | 18.000.000              | 12.000.000         | 5.175.000              |
| 04          | Phạm Thị L     | 1978 | Ngõ 7, khối 6, phường V, thành phố L               | 04/8/2019              | 50.000.000               | 10.000.000             | 20.000.000              | 30.000.000         | 8.625.000              |
| 05          | Nguyễn Thị H   | 1985 | Khối 4, phường H, thành phố L                      | 20/6/2019              | 20.000.000               | 4.000.000              | 20.000.000              | 0                  | 3.450.000              |
| 06          | Bùi Thị L      | 1991 | Tổ 3, khối 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn   | 29/7/2019              | 30.000.000               | 6.000.000              | 13.650.000              | 16.350.000         | 5.175.000              |
| 07          | Ngô Phương T   | 1982 | Tổ 4, khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. | 31/7/2019              | 15.000.000               | 3.000.000              | 15.000.000              | 0                  | 2.587.500              |
| 08          | Bùi Thanh B    | 1971 | Ngõ 12, đường B, phường Đ, thành phố L             | 14/5/2019<br>31/7/2019 | 10.000.000<br>10.000.000 | 2.000.000<br>2.000.000 | 10.000.000<br>8.000.000 | 0<br>2.000.000     | 1.725.000<br>1.725.000 |
| 09          | Vì Thị Thanh H | 1994 | Ngõ 26, đường B, phường Đ, thành phố L             | 23/7/2019              | 10.000.000               | 2.000.000              | 10.000.000              | 0                  | 1.725.000              |
| 10          | Vũ Thị N       | 1968 | Ngõ 1, đường M, phường C, thành phố L.             | 20/8/2019              | 10.000.000               | 2.000.000              | 10.000.000              | 0                  | 1.725.000              |
| 11          | Nguyễn Thị L   | 1979 | Khu tập thể Sở điện lực, phường T, thành phố L     | 15/8/2019              | 30.000.000               | 6.000.000              | 4.800.000               | 25.200.000         | 5.175.000              |
| <b>Tổng</b> |                |      |                                                    |                        | <b>255.000.000</b>       | <b>51.000.000</b>      | <b>147.850.000</b>      | <b>107.150.000</b> | <b>43.987.500</b>      |

Như vậy Đặng Hoàng T2 đã giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thùy T1 thực hiện 12 (mười hai) giao dịch dân sự cho 11 (mười một) người khách vay tổng số tiền 255.000.000 đồng với lãi suất nặng và thu lợi bất chính số tiền là 43.987.500 đồng.

Đối với Ma Hồng T3: Ma Hồng T3 bắt đầu làm thuê cho Nguyễn Thùy T1 từ khoảng giữa tháng 07/2019, xác định có 14 (mười bốn) người khách có khoản vay tiền theo hình thức “bát họ” phát sinh kể từ thời điểm T3 bắt đầu làm thuê cho T1, gồm:

| Stt | Họ và tên người vay | Năm sinh | Địa chỉ                                           | Thời gian vay | Số tiền vay (đồng) | Số tiền Trang đã cắt lãi (đồng) | Số tiền đã trả cho Trang (đồng) | Số tiền còn nợ lại (đồng) | Số tiền Trang hưởng lợi bất chính (đồng) |
|-----|---------------------|----------|---------------------------------------------------|---------------|--------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|
| 01  | Dương Thị Vũ L      | 1981     | 216, đường N, phường Đ, thành phố L.              | 16/7/2019     | 100.000.000        | 20.000.000                      | 72.000.000                      | 28.000.000                | 17.250.000                               |
| 02  | Hoàng Thị D         | 1977     | 29/9, đường B, phường H, thành phố L.             | 29/7/2019     | 20.000.000         | 4.000.000                       | 10.000.000                      | 10.000.000                | 3.450.000                                |
| 03  | Bùi Thị L           | 1991     | Tổ 3, khối 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. | 29/7/2019     | 30.000.000         | 6.000.000                       | 13.650.000                      | 16.350.000                | 5.175.000                                |
| 04  | Ngô Phương T        | 1982     | Tổ 4, khối 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn | 31/7/2019     | 15.000.000         | 3.000.000                       | 15.000.000                      | 0                         | 2.587.500                                |
| 05  | Phạm Thị K          | 1988     | Ngõ 1, đường M, phường H, thành phố L.            | 31/7/2019     | 20.000.000         | 4.000.000                       | 8.800.000                       | 11.200.000                | 3.450.000                                |
| 06  | Bùi Thanh B         | 1971     | Ngõ 12, đường B, phường Đ, thành phố              | 31/7/2019     | 10.000.000         | 2.000.000                       | 8.000.000                       | 2.000.000                 | 1.725.000                                |

|             |                |      |                                                |           |                    |                    |                    |                    |                   |
|-------------|----------------|------|------------------------------------------------|-----------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
|             |                |      | L.                                             |           |                    |                    |                    |                    |                   |
| 07          | Vi Thị Thanh H | 1994 | Ngõ 26, đường B, phường Đ, thành phố L         | 23/7/2019 | 10.000.000         | 2.000.000          | 10.000.000         | 0                  | 1.725.000         |
| 08          | Phạm Thị L     | 1978 | Ngõ 7, khối 6, phường V, thành phố L           | 04/8/2019 | 50.000.000         | 10.000.000         | 20.000.000đ        | 30.000.000         | 8.625.000         |
| 09          | Vũ Thị Khánh C | 1988 | Ngõ 8, đường N, phường Đ, thành phố L          | 11/8/2019 | 100.000.000        | 20.000.000         | 46.000.000         | 54.000.000         | 17.250.000        |
| 10          | Hứa Mỹ L       | 1986 | Thôn B, xã H, thành phố L.                     | 14/8/2019 | 70.000.000         | 14.000.000         | 16.000.000đ        | 54.000.000         | 12.075.000        |
| 11          | Nguyễn Thị L   | 1979 | Khu tập thể Sở điện lực, phường T, thành phố L | 15/8/2019 | 30.000.000         | 6.000.000          | 4.800.000          | 25.200.000         | 5.175.000         |
| 12          | Đỗ Thị L       | 1959 | 35, đường C, phường C, thành phố L             | 16/8/2019 | 30.000.000         | 6.000.000          | 30.000.000         | 0                  | 5.175.000         |
| 13          | Lê Thu Ng      | 1973 | 39, đường C, phường V, thành phố L.            | 19/8/2019 | 20.000.000         | 4.000.000đ         | 2.000.000đ         | 18.000.000         | 3.450.000         |
| 14          | Vũ Thị N       | 1968 | Ngõ 1, đường M, phường H, thành phố L          | 20/8/2019 | 10.000.000         | 2.000.000          | 10.000.000         | 0                  | 1.725.000         |
| <b>Tổng</b> |                |      |                                                |           | <b>515.000.000</b> | <b>103.000.000</b> | <b>266.250.000</b> | <b>248.750.000</b> | <b>88.837.500</b> |

Như vậy Ma Hồng T3 đã giúp sức cho Nguyễn Thùy T1 thực hiện 14 (mười bốn) giao dịch dân sự cho 14 người khác vay tổng số tiền 515.000.000 đồng với lãi suất nặng, giúp T1 thu lợi bất chính số tiền là 88.837.500 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKS, ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Thùy T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2, Điều 201 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đặng Hoàng T2, Ma Hồng T3 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, các bị cáo đều thừa nhận nội dung bản cáo trạng đã nêu đúng, đầy đủ hành vi phạm tội và không có ý kiến khác.

Hai mươi hai (22) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người vay tiền của Nguyễn Thùy T1 đều thừa nhận về hình thức vay, số tiền vay, việc cắt lãi, trả tiền vay như cáo trạng nêu. Những người này đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì đối với bị cáo Nguyễn Thùy T1.

Ông Nguyễn Duy H bố bị cáo T1 khai: Trong số 44.200.000 đồng Công an thu giữ của bị cáo Nguyễn Thùy T1, có 34.200.000 đồng là số tiền ông gửi T1 nhờ mua xe máy. Ông đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông.

Anh Ma Văn T khai: Đặng Hoàng T2 là em rể lấy em gái anh là Ma Hồng T3. Do T2 không có phương tiện đi lại nên anh có cho bị cáo T2 mượn 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, biển kiểm soát 12P1 – 04547. Anh không biết

T2 sử dụng xe vào mục đích phạm tội, anh đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho anh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thùy T1, Đặng Hoàng T2, Ma Hồng T3 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3, Điều 201; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thùy T1, xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy T1 mức án tù 06 (sáu) đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Áp dụng khoản 1, Điều 201; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đặng Hoàng T2, xử phạt bị cáo Đặng Hoàng T2 từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1, Điều 201; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ma Hồng T3, xử phạt bị cáo Ma Hồng T3 từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bổ sung Nguyễn Thùy T1 từ 30.000.000đồng – 40.000.000đồng. Không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đặng Hoàng T2, Ma Hồng T3 và không buộc lao động công ích.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền sau gồm: Tiền gốc của bị cáo T1 cho vay là 835.000.000 đồng; lãi hợp pháp là 22.962.500 đồng. Theo quy định phải buộc bị cáo Nguyễn Thùy T1 phải trả lại tiền lãi thu bất chính cho 22 người vay tổng số tiền là 144.037.500 đồng. Tuy nhiên, do những người vay không yêu cầu lấy lại nên số tiền này sẽ tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Như vậy, Tổng cộng bị cáo Nguyễn Thùy T1 bị truy thu sung công quỹ Nhà nước là 1.002.000.000đồng (một tỷ không trăm linh hai triệu đồng). Bị cáo đã khắc phục được 40.000.000đồng, bị cáo còn phải nộp thêm là 962.000.000đồng. Đối với số tiền 11.000.000đ (gồm 10.000.000đồng thu của bị cáo T1 và 1.000.000 đồng thu của bị cáo T2), xác định đây là số tiền gốc bị cáo T1 thu được của những người vay tiền, sẽ được khấu trừ vào tiền gốc truy thu của bị cáo T1, đề nghị tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền những người vay chưa trả bị cáo T1 là 339.750.000 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) thì các bên tự thỏa thuận trả cho nhau. Cụ thể từng người còn nợ lại như sau: Chị Vũ Thị H nợ 12.000.000đ; chị Dương Thị Vũ L nợ 28.000.000đồng; bà Đoàn Thị X nợ 3.000.000đồng; chị Hoàng Nguyệt K nợ 1.400.000đồng; chị Hoàng Thị D nợ 10.000.000đồng; chị Bùi Thị L nợ 16.350.000đồng; chị Phạm Thị K nợ 11.200.000đồng; ông Bùi Thanh B nợ 2.000.000đồng; bà Triệu Thị Tổ U nợ 11.600.000đồng; bà Phạm Thị L nợ 30.000.000 đồng; chị Vũ Thị Khánh C nợ 54.000.000đồng; chị Hứa Mỹ L nợ 54.000.000đồng; chị Nguyễn Thị L nợ 25.200.000đồng; chị Đàm Minh H nợ 45.000.000đồng; chị Lê Thu N nợ 18.000.000đồng; chị Vi Lan A nợ 18.000.000đồng.

Đối với 22 (hai mươi hai) giấy vay tiền đã lưu trong hồ sơ vụ án nên không xem xét xử lý. Tịch thu tiêu hủy 03 quyển sổ; tịch thu hóa giá 01 điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo T2 và 01 điện thoại Iphone 6 thu giữ của bị cáo T1. Trả lại cho bị cáo T2 01 điện thoại Samsung. Trả lại cho anh Ma Văn T 01 xe mô tô Honda Wave. Trả lại cho Phạm Thị K 01 thẻ căn cước công dân và 01 tập hồ sơ đổi giấy phép lái xe mang tên Lê Khắc S. Trả lại cho Vũ Thị Khánh C 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị Khánh C. Trả lại cho Lê Thu N 01 chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Lê Thu N. Trả lại cho Dương Thị Vũ L 01 giấy phép lái xe mang tên Dương Thị Vũ L và 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Dương Công C. Trả lại 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Vy Lan A và 01 tập hồ sơ thành lập nhóm trẻ gia đình cho Vy Lan A Trả lại 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Dương Văn Qn cho Hoàng Nguyệt K. Trả lại 01 quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn Thị L cho Nguyễn Thị L. Trả lại 01 tập hồ sơ bảo hiểm nhân thọ kèm theo 02 Giấy khai sinh của con Bùi Thị L cho Bùi Thị L (bản gốc). Trả lại cho ông Nguyễn Duy H 34.200.000 đồng (ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo phải chịu án phí. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với giấy vay tiền, biên bản xác định số tiền thu lời bất chính và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thùy T1, Đặng Hoàng T2, Ma Hồng T3 đã có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, mức lãi suất các bị cáo cho vay là 144%; cao gấp 7,2 lần so với mức lãi quy định tại Bộ luật dân sự là 20%. Tổng số tiền lãi thu lợi bất chính của bị cáo T1 là 144.037.500 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Bị cáo Ma Hồng T3 giúp sức cho bị cáo T1 từ tháng 5/2019 với số tiền là 88.837.500 đồng (Tám mươi tám triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Bị cáo Đặng Hoàng T2 giúp sức cho bị cáo T1 từ tháng 7/2019 với số tiền là 43.987.500 đồng (Bốn mươi ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thùy T1 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2, Điều 201; truy tố đối với các bị cáo Đặng Hoàng T2, Ma Hồng T3 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền của bị cáo T1 gồm: Vũ Thị Khánh C, Dương Thị Vũ L, Triệu Thị Tố U, Nguyễn Thị L, Đàm Minh H, Vi Lan A, Hoàng Thị D, Lê Thu N, Đỗ Thị L, Phạm Thị K, Hoàng Nguyệt K, Hứa Mỹ L, Phạm Thị L, Vi Thị Thanh H, Bùi Thanh B, Vũ Thị H, Đoàn Thị X, Ngô Phương T, Bùi Thị L, Hoàng Thị D, Vũ Thị N, Nguyễn Thị H,

Hoàng Thị Q, Nguyễn Thị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc xét xử vắng mặt họ không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lung lay chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhiều gia đình lâm vào cảnh điêu đứng, là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen. Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi cao gấp từ 5 lần lãi quy định của Nhà nước trở lên là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt, muốn làm giàu nhanh chóng các bị cáo đã phạm tội. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và vai trò của từng bị cáo như sau:

[3] Về tình tiết tăng nặng: Cả 03 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thùy T1 có 04 tình tiết giảm nhẹ gồm: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự); thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải (điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự); đã tự nguyện khắc phục hậu quả (điểm b, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự); bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Duy H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng Ba (khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự). Bị cáo Đặng Hoàng T2 chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải (điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự). Bị cáo Ma Hồng T3 có 03 tình tiết giảm nhẹ gồm: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm i, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự); thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải (điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự); hiện nay đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự).

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thùy T1 và bị cáo Ma Hồng T3 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đặng Hoàng T2, có 01 tiền án đã được xóa án tích nhưng xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

[6] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Thùy T1 là người giữ vai trò cao nhất, bị cáo là người đứng ra cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền, nguồn tiền cho vay là của bị cáo, bị cáo trực tiếp thỏa thuận và cắt lãi ngay từ khi vay tiền và là người hưởng lợi từ các giao dịch cho vay. Bị cáo Ma Hồng T3 và Đặng Hoàng T2 là các đồng phạm giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thùy T1 để hưởng tiền công. Mặc dù biết bị cáo T1 cho vay lãi nặng không đúng quy định của pháp luật nhưng các bị cáo tiếp nhận ý chí của bị cáo T1, thống nhất thực hiện hành vi giúp sức. Bị cáo Ma Hồng T3 là người trực tiếp tại địa điểm giao dịch là số nhà 112, đường L, phường T, thành phố L để thu tiền của khách nộp trực tiếp, bị cáo tổng hợp vào sổ các khoản khách vay cho bị cáo T1, hướng dẫn khách vay và cắt lãi trong trường hợp bị cáo T1 đi vắng. Bị cáo Đặng Hoàng T2 giúp bị cáo T1 đi thẩm định hoàn cảnh của khách trước khi cho vay, trực tiếp đi thu tiền của khách tại nhà mang về cho T3 tổng hợp. Bị cáo Đặng Hoàng T2 tham gia sau bị cáo Ma Hồng T3 nên số tiền giúp sức cho bị cáo T1 thấp hơn bị cáo T3 nhưng bị cáo T2 là người có nhân thân xấu, chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ; bị cáo T3 là người có nhân thân tốt và có 03 tình tiết giảm nhẹ.

[7] Bị cáo Nguyễn Thùy T1 là người giữ vai trò cao nhất, xét thấy cần xử nghiêm đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo đang nuôi hai con nhỏ đang trong độ tuổi đi học nên cần xem xét giảm nhẹ phần nào mức án để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

[8] Đối với bị cáo Ma Hồng T3 và Đặng Hoàng T2 là người giúp sức cho bị cáo T1 nên giữ vai trò thứ yếu. Hai bị cáo có quan hệ vợ chồng, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo T3 có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo T2 có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cho các bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp. Do hoàn cảnh 02 bị cáo khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với 02 bị cáo và không buộc lao động công ích.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3, Điều 201 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Thùy T1 còn có thể bị phạt bổ sung hình phạt tiền từ ba mươi triệu đồng đến một trăm triệu đồng. Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thùy T1 cho vay lãi nặng với mục đích hưởng lợi, bị cáo có tài sản đảm bảo thi hành án nên cần áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo Trang mức tối thiểu.

[10] Về vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Cần truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền sau: Tiền gốc của bị cáo T1 cho vay là 835.000.000 đồng do đây là phương tiện phạm tội; tiền lãi hợp pháp bị cáo T1 được hưởng là 22.962.500 đồng do đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm; tiền lãi bị cáo T1 hưởng bất hợp pháp từ việc thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng là 144.037.500 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo quy định được trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho Hoàng Thị D 5.157.000đồng; Vũ Thị H 5.157.000đồng; Nguyễn Thị H 6.900.000đồng; Dương Thị Vũ L 17.250.000đồng; Đoàn Thị X 1.725.000đồng; Vi Thị Thanh H 1.725.000đồng; Hoàng Nguyệt K 6.900.000đồng; Hoàng Thị D 5.175.000đồng; Bùi Thị L 5.175.000đồng; Ngô Phương T 2.587.500đồng; Phạm Thị K 6.900.000đồng; Bùi Thanh B 5.175.000đồng; Triệu Thị Tố U 3.450.000đồng; Phạm Thị L 8.625.000 đồng; Vũ Thị Khánh C 17.250.000đồng; Hứa Mỹ L 12.075.000đồng; Nguyễn Thị L 5.157.000đồng; Đỗ Thị L 5.175.000đồng; Đàm Minh H 8.625.000 đồng; Lê Thu N 3.450.000đồng; Vy Lan A 8.625.000 đồng; Vũ Thị N 1.725.000đồng. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu lấy lại nên số tiền này sẽ truy thu sung công quỹ Nhà nước. Như vậy, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thùy T1 bị truy thu sung công quỹ Nhà nước là 1.002.000.000đồng (một tỷ không trăm linh hai triệu đồng). Bị cáo đã khắc phục được 40.000.000đồng, bị cáo còn phải nộp thêm là 962.000.000đồng. Đối với số tiền 11.000.000đ (gồm 10.000.000đồng thu của bị cáo T1 và 1.000.000 đồng thu của bị cáo T2), xác định đây là số tiền gốc bị cáo T1 thu được của những người vay tiền, sẽ được khấu trừ vào tiền gốc truy thu của bị cáo T1 nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Như vậy, sau đi khấu trừ đi 11.000.000đồng bị tạm giữ, bị cáo T1 còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước tổng số tiền là 951.000.000đồng (chín trăm năm mươi một triệu đồng).

[11] Trả lại cho ông Nguyễn Duy H 34.200.000 đồng (ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng) vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với (hai mươi hai) giấy vay tiền (bản gốc) là tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm đã lưu trong hồ sơ vụ án nên không xem xét xử lý. Tịch thu tiêu hủy 03 quyển sổ vì dùng để ghi chép việc người vay trả lãi liên quan đến tội phạm. Trả lại cho anh Ma Văn T 01 xe mô tô Honda Wave vì đây là xe của anh T cho bị cáo Đặng Hoàng T2 mượn, anh T không biết việc T2 sử dụng vào mục đích phạm tội. Tịch thu hóa giá 01 điện thoại Nokia thu giữ của bị cáo Đặng Hoàng T2 vì sử dụng liên lạc đi thu tiền của những người vay, liên quan đến hành vi phạm tội. Trả lại cho bị cáo T2 01 điện thoại di động Samsung vì không liên quan đến hành vi phạm tội. Tịch thu hóa giá 01 điện thoại Iphone 6 thu giữ của T1 vì sử dụng liên lạc cho vay tiền, liên quan đến hành vi phạm tội. Đối với những giấy tờ, tài liệu mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thể chấp cho bị cáo Nguyễn Thùy T1 để vay tiền, xét thấy đây là giấy tờ, tài liệu riêng của những người này cần tuyên trả lại cho họ.

[12] Đối với số tiền những người vay chưa trả bị cáo T1 là 339.750.000 đồng (ba trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) thì các bên tự thỏa thuận trả cho nhau. Cụ thể từng người còn nợ lại như sau: Chị Vũ Thị H nợ 12.000.000đ; chị Dương Thị Vũ L nợ 28.000.000đồng; bà Đoàn Thị X nợ 3.000.000đồng; chị Hoàng Nguyệt K nợ 1.400.000đồng; chị Hoàng Thị D nợ 10.000.000đồng; chị Bùi Thị L nợ 16.350.000đồng; chị Phạm Thị K nợ 11.200.000đồng; ông Bùi Thanh B nợ 2.000.000đồng; bà Triệu Thị Tố U nợ 11.600.000đồng; bà Phạm Thị L nợ 30.000.000 đồng; chị Vũ Thị Khánh C nợ 54.000.000đồng; chị Hứa Mỹ L nợ 54.000.000đồng; chị Nguyễn Thị L nợ 25.200.000đồng; chị Đàm Minh H nợ 45.000.000đồng; chị Lê Thu N nợ 18.000.000đồng; chị Vi Lan A nợ 18.000.000đồng.

[13] Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[14] Đối với đối tượng Hoàng Thị Q, bị cáo T1 thừa nhận Q có làm cho T nhưng không biết việc T1 cho vay nợ, nên chưa đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Hoàng Thị Q, nếu làm rõ được sẽ xử lý trong vụ án khác. Đối với đối tượng tên C, đã từng làm việc cho Nguyễn Thùy T1 nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự trong vụ án này. Đối với ông Lê Tuấn Đ là người cho Nguyễn Thùy T1 thuê nhà số 112, đường L, phường T, thành phố L nhưng ông Đ không biết mục đích phạm tội của T1 nên không đủ căn cứ xử lý. Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Thùy T1 thực hiện giai đoạn trước khi bị phát hiện do không đủ căn cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[15] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị với Hội đồng xét xử tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng đối với các bị cáo Đặng Hoàng T1, Ma Hồng T3 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Thùy T1 là người giữ vai trò chính. Trong tình hình gia tăng tín dụng đen hiện nay cần thiết phải xử phạt tù giam đối với bị cáo để làm gương cho những người khác. Tuy nhiên, do bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ (03 tình tiết tại khoản 1, Điều 51 và 01

tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự) nên cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt là đủ tính răn đe, phòng ngừa tội phạm. Ý kiến đại diện Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo Nguyễn Thùy T1 hưởng án treo là chưa đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[16] Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo cũng không khiếu nại về quá trình tiến hành tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3, Điều 201; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thùy T1;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 201; điểm s, khoản 1, Điều 51, Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Hoàng T2;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 201; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ma Hồng T3;

Căn cứ điểm a, b, khoản 1 Điều 46; điểm a, b, khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b, khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; 332; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thùy T1, Đặng Hoàng T2, Ma Hồng T3 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

#### **3. Hình phạt:**

- Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thùy T1 04 (bốn) tháng tù giam (được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2019 đến ngày 19/10/2019). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng T2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo Điều 75 Luật Thi hành án hình sự. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đặng Hoàng T2 và không buộc lao động công ích.

+ Xử phạt bị cáo Ma Hồng T3 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo Điều 75 Luật Thi hành án hình sự. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Ma Hồng T3 và không buộc lao động công ích.

- Hình phạt bổ sung: Xử phạt đối với bị cáo Nguyễn Thùy T1 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng).

**3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:**

- Số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng) bị cáo Nguyễn Thùy T1 thu của khách sẽ tạm giữ để khấu trừ vào số tiền bị truy thu của bị cáo Nguyễn Thùy T1;

- Số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thu của bị cáo Đặng Hoàng T2 sẽ tạm giữ để khấu trừ vào số tiền bị truy thu của bị cáo Nguyễn Thùy T1;

- Trả lại cho ông Nguyễn Duy H (Địa chỉ: Khu C, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn) số tiền 34.200.000 đồng (Ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng);

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) quyển sổ có bìa màu xanh da trời, trong ghi họ tên người vay tiền và số tiền nộp cụ thể theo ngày;

+ 02 (hai) quyển sổ có bìa màu xanh da trời, có dòng chữ Organon, trong ghi họ tên người vay tiền, thời gian vay, số tiền vay, số tiền trả;

- Trả lại cho anh Ma Văn T (Địa chỉ: Số 17, phố Đ, khu đô thị P4, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) 01 (một) xe mô tô HONDA WAVE màu đen bạc, biển kiểm soát: 12P1- 04547, xe cũ đã qua sử dụng, số khung RLHHC1202BY588422, số máy HC12E - 3388586;

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 1280 màu đen, số IMEI: 353454/04/950163/0, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không có nắp lưng thu giữ của bị cáo Đặng Hoàng T2;

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 6, số IMEI: 359307065340263 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thùy T1;

- Trả lại cho bị cáo Đặng Hoàng T2 01 (một) điện thoại hiệu Sam sung J730 màu vàng đồng, số IMEI: 353317/09/792528/4, điện thoại cũ đã qua sử dụng;

- Trả lại cho chị Phạm Thị K, sinh năm 1988 (Địa chỉ: Số nhà 39, ngõ 1, đường M, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) 01 (một) thẻ căn cước công dân và 01 (một) tập hồ sơ đổi giấy phép lái xe mang tên Lê Khắc S;

- Trả lại cho chị Vũ Thị Khánh C, sinh năm 1988 (Địa chỉ: Số 18, ngõ 8, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Thị Khánh C;

- Trả lại cho chị Lê Thu N, sinh năm 1973 (Địa chỉ: Số nhà 39, đường C, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) 01 (một) chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Lê Thu N;

- Trả lại cho chị Dương Thị Vũ L, sinh năm 1981 (Địa chỉ: Số nhà 216, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Dương Thị Vũ L và 01 (một) quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ ông Dương Công C;

- Trả lại cho chị Vy Lan A, sinh năm 1977 (Địa chỉ: Số 58, đường L, khu đô thị P4, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn), 01 (một) quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Vy Lan A và 01 (một) tập hồ sơ thành lập nhóm trẻ gia đình;

- Trả lại cho chị Hoàng Nguyệt K, (Địa chỉ: Số 69, đường N, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn), 01 (một) quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ ông Dương Văn Q;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 (Địa chỉ: Khu tập thể điện lực, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) 01 (một) quyển sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ chị Nguyễn Thị L;

- Trả lại cho chị Bùi Thị L, sinh năm 1991 (Địa chỉ: Tổ 3, khối 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn), 01 (một) tập hồ sơ bảo hiểm nhân thọ kèm theo 02 Giấy khai sinh của con chị Bùi Thị L;

*(Những vật chứng trên theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/11/2019 giữa Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).*

- Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Thùy T1 các khoản tiền sau để sung công quỹ Nhà nước gồm:

+ Tiền gốc của bị cáo T1 cho vay là 835.000.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm triệu đồng);

+ Tiền lãi hợp pháp bị cáo T1 được hưởng là 22.962.500 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng);

+ Tiền lãi bị cáo T1 hưởng bất hợp pháp từ việc thực hiện các giao dịch cho vay lãi nặng là 144.037.500 đồng (một trăm bốn mươi bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thùy T1 bị truy thu sung công quỹ Nhà nước là 1.002.000.000 đồng (một tỷ không trăm linh hai triệu đồng). Bị cáo đã khắc phục được 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) theo 02 Biên lai thu tiền số 00004249, ngày 29/11/2019 và Biên lai thu tiền số 0005512, ngày 27/02/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn; bị cáo Nguyễn Thùy T1 bị tạm giữ 11.000.000 đồng. Số tiền bị cáo còn phải nộp vào ngân sách Nhà nước là 951.000.000 đồng (chín trăm năm mươi một triệu đồng).

**4. Về án phí:** Các bị cáo Nguyễn Thùy T1, Ma Hồng T3 và Đặng Hoàng T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Duy H, anh Ma Văn T. Vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Vũ Thị Khánh C, Dương Thị Vũ L, Triệu Thị Tố U, Nguyễn Thị L, Đàm Minh H, Vi Lan A, Hoàng Thị D, Lê Thu N, Đỗ Thị L, Phạm Thị K, Hoàng Nguyệt K, Hứa Mỹ L, Phạm Thị L, Vi Thị Thanh H, Bùi Thanh B, Vũ Thị H, Đoàn Thị X, Ngô Phương T, Bùi Thị L, Hoàng Thị D, Vũ Thị N, Nguyễn Thị H, Hoàng Thị Q. Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn (03 bản);
- Đội Tổng hợp Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường V, Thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Mỹ Hạnh**

